

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung của vợ
chồng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 ngày 11 ngày 2021 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị X. Sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Dương X T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị X trình bày như sau:

Về tình cảm, chị và anh Dương X T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn vào ngày **09/03/2009** tại UBND **xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An** và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh Dương X T mắc tệ nạn xã hội

(nghiện ma túy), nhiều lần hứa sẽ cai nghiện, bản thân chị không còn niềm tin với chồng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng anh T không có những hành động thiết thực chứng minh đã cai nghiện thành công và có trách nhiệm với gia đình. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Dương Thành L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Dương Hải Y, sinh ngày 11/02/2013. Trong thời gian ly thân, cả hai cháu ở cùng với bà nội. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị cho rằng anh T nghiện ma túy, không có công việc và có thu nhập ổn định, hiện đang ở cùng mẹ già. Hiện tại, chị đang làm công nhân, có thu nhập trung bình hơn 08 triệu/ tháng, có nơi cư trú ổn định nên hoàn toàn có đủ khả năng nuôi dưỡng con. Anh T nghiện ma túy nên sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Dương X T trình bày:

Về tình cảm, anh T xác định anh và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2021, anh đi cai nghiện tự nguyện về thì chị X về xin ly hôn. Vì vậy, bản thân anh cho rằng bản thân đã cai nghiện thành công, mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng và bản thân anh không muốn ly hôn để cùng chăm sóc con chung. Bản thân anh không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị quay lại đoàn tụ.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Dương Thành L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Dương Hải Y, sinh ngày 11/02/2013. Anh cho rằng trong thời gian chị X đi làm xa, hai cháu chủ yếu sống với anh và bà nội, chị X thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Nếu chị X cương quyết ly hôn, anh muốn nhận nuôi dưỡng cả 02 con chung. Đối với việc cấp dưỡng định kỳ, anh không yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm của chị X đối với con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có được mẹ đẻ chia cho 01 mảnh nương nhưng vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ đẻ anh. Ngoài ra, vợ chồng anh có 01 chiếc xe máy Honda, đang ký tên mang tên anh. Đối với tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Anh cho rằng, năm 2014 vợ chồng anh chị có vay tiền của mẹ đẻ anh là Bùi Thị Đoán để mua mát cây. Sau đó, anh đã bán máy cày đi và thanh toán tiền vay cho bà, hiện còn nợ lại số tiền 70.000.000VNĐ nhưng không có giấy tờ. Đối với khoản nợ chung này, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh T và chị X tại Ban quản lý bản B, xã C và đại diện gia đình anh T (nơi anh chị

chung sống). Đồng thời, ghi ý kiến của con chung trên 7 tuổi về nguyện vọng của cháu muốn ở với ai.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị X và anh Dương X T. Về con chung: Giao cháu Dương Thành L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Dương Hải Y, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Lương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X do chị X không yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Dương X T có nơi cư trú tại Bản B, xã C, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Về xác định tư cách tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Dương X T trình bày: Vợ chồng anh hiện còn nợ bà Bùi Thị Đ số tiền 70.000.000 từ năm 2014, không có giấy tờ vay mượn. Tuy nhiên, anh T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tại biên bản xác minh với bà Đóa, bà Bùi Thị Đ cho rằng vợ chồng anh T và chị X có nợ tiền bà nhưng việc vay mượn không có giấy tờ. Trong vụ án này, bà không đề nghị Tòa án xem xét về khoản nợ này. Do đó, Tòa án không đưa bà Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, khoản 1 Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị X và anh Dương X T.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lương Thị X và anh Dương X T kết hôn với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND **xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày **09/03/2009**. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị X cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh Dương X T mắc tệ nạn xã hội (nghiện ma túy), nhiều lần hứa sẽ cai nghiện nhưng bản thân chị không còn niềm tin với anh T, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bản thân anh T cũng thừa nhận anh có nghiện ma túy nhưng bản thân anh mới đi cai nghiện tự nguyện về và hi vọng vợ chồng quay lại đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ, vợ chồng anh T và chị X có mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T nghiện ma túy, chị X cũng thường xuyên đi làm xa nên vợ chồng thường xuyên xa nhau. Bản thân anh T có nguyện vọng muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị X cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị X đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Lương Thị X và anh Dương X T.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh T có 02 con chung là cháu Dương Thành L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Dương Hải Y, sinh ngày 11/02/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Tại biên bản làm việc ghi nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lương Thị X hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH EM-TECH VN, với thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 8.000.000VNĐ, có nơi tạm trú rõ ràng. Qua xác minh tại địa phương và văn bản số 02/CV-CAX ngày 24/3/2022 của Công an xã C xác định: anh Dương X T là đối tượng nghiện ma túy vào năm 2021, cai nghiện tại trung tâm chữa trị cai nghiện tỉnh Sơn La 06 tháng (theo diện tự nguyện). Hiện anh T vẫn nằm trong

danh sách quản lý liên quan đến tệ nạn xã hội của Công an xã C. Qua làm việc tính đến thời điểm hiện tại, anh T không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Bà Bùi Thị Đ – người ở cùng anh T và các cháu đã cao tuổi. Do đó, mặc dù các cháu đều thể hiện nguyện vọng được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn nhưng để quyền L mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị X, giao các con chung cho chị Lương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X do chị X không yêu cầu,

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Anh T cho rằng vợ chồng được mẹ đẻ là bà Bùi Thị Đ chia cho khoảng 2000m² tại Bản B, xã C, huyện Mai Sơn nhưng vẫn đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đóa. Ngoài ra, vợ chồng có 01 chiếc xe máy. Tuy nhiên, anh T không cung cấp tài liệu liên quan đến tài sản chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Qua xác minh, bà Đ cho rằng bà chỉ cho vợ chồng mượn đất để canh tác, chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.3] *Về nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, chị X xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Anh T và bà Bùi Thị Đ đều xác nhận vợ chồng anh T và chị X có nợ bà Đ số tiền 70.000.000VNĐ để mua máy cày, hiện đã bán máy cày nhưng không có giấy tờ, đồng thời không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.5] *Về án phí*: Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị X và anh Dương X T.
2. Về con chung: Giao cháu Dương Thành L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Dương Hải Y, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Lương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành. Anh Dương X T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X do chị X không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung vợ chồng: Chị X, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lương Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001304 ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Minh Quân